

Đơn vị: Bệnh viện Đa liễu Nam Định  
Chương: 423

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 8 tháng 7 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II/2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước.

Bệnh viện Đa liễu Nam Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II/2026 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm      | Ước thực hiện quý II/năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                | 4                             | 5                                   | 6                                                               |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>I</b>   | <b>Số thu</b>                                      | <b>10.557,00</b> | <b>3.339,45</b>               | <b>32%</b>                          | <b>149%</b>                                                     |
|            | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ                 | 10.557,00        | 3.339,45                      | -                                   | 149%                                                            |
|            | Viện phí + BHYT                                    | 10.400,00        | 3.184,87                      |                                     |                                                                 |
|            | Thu khác                                           | 157,00           | 154,57                        |                                     |                                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ hoạt động sản xuất KD, DV</b>            |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      | <b>10.256,00</b> | <b>3.016,73</b>               | <b>29%</b>                          | <b>176%</b>                                                     |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                  | 10.256,00        | 3.016,73                      | 29%                                 | 176%                                                            |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ            |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                  |                               |                                     |                                                                 |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                  |                               |                                     |                                                                 |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                  |                               |                                     |                                                                 |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                               |                                     |                                                                 |
|            | Lệ phí...                                          |                  |                               |                                     |                                                                 |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                  |                               |                                     |                                                                 |
|            | Phí ...                                            |                  |                               |                                     |                                                                 |
|            | Phí ...                                            |                  |                               |                                     |                                                                 |

|           |                                                                                               |    |   |       |   |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|-------|---|
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                         |    |   |       |   |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                             |    |   |       |   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                 |    |   |       |   |
| 1.1       | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                         |    |   |       |   |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                        |    |   |       |   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                   |    |   |       |   |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                |    |   |       |   |
|           | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |    |   |       |   |
|           | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |    |   |       |   |
| 2.2       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 2.3       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
|           | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 |    |   |       |   |
|           | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |    |   |       |   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                                        |    |   |       |   |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                 | 77 | 0 | 0,000 | 0 |
| 4.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             | 0  | 0 | 0,00  |   |
| 4.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       | 77 | 0 | 0,00  |   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                     |    |   |       |   |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                  |    |   |       |   |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                        |    |   |       |   |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                                        |    |   |       |   |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                       |    |   |       |   |
| 9.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 9.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                         |    |   |       |   |
| 10.1      | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |    |   |       |   |
| 10.2      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |    |   |       |   |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                     |    |   |       |   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                 |    |   |       |   |
| 1.1       | Dự án A                                                                                       |    |   |       |   |

|            |                                                         |  |  |  |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>   | <b>Chỉ bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b>   | <b>Chỉ hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>7</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>8</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>9</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>10</b>  | <b>Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |  |
| <b>1</b>   | <b>Chỉ quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>   | <b>Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>   | <b>Chỉ bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |  |  |  |

|      |                                                  |  |  |  |  |
|------|--------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                          |  |  |  |  |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG